TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: Kế toán - Kiểm toán**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 2**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: DAC0031

Tên học phần: Kế toán tài chính 2

Mã nhóm lớp học phần: 213\_ DAC0031\_02

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

**Câu 01: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 CÂU x 0,5 ĐIỂM/CÂU = 3 ĐIỂM)**

**Câu 1-a:** Công ty sản xuất M xuất 1.000 sản phẩm X gửi đại lý T, giá xuất kho 150.000đ/sp. Giá bán chưa thuế qui định cho đại lý 250.000đ/sp, thuế GTGT 10%. Hoa hồng cho đại lý 5% tính trên giá bán chưa thuế, kế toán công ty M ghi:

.

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ TK 157X\_ĐLT 150.000.000  Có TK 155X 150.000.000 | **B**. Nợ TK 632 150.000.000  Có TK 155X 150.000.000  Nợ TK 641 12.500.000  Có TK 111 12.500.000 |
| **C**. Nợ TK 632 150.000.000  Có TK 155X 150.000.000 | **D**. Nợ TK 131T 275.000.000  Có TK 511 250.000.000  Có TK 33311 25.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 1-b:** Công ty K xuất kho hàng hoá B bán trả góp cho khách hàng M, giá bán trả góp 12 tháng đã bao gồm thuế GTGT 10% là 360.000.000đ, trong đó lãi trả góp là 30.000.000đ, giá xuất kho là 280.000.000đ. Thời gian trả góp bắt đầu từ đầu tháng sau. Bút toán nào phản ánh doanh thu bán hàng tại công ty K?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ TK 131M 360.000.000  Có TK 511 300.000.000  Có TK 33311 30.000.000  Có TK 3387 30.000.000 | **B**. Nợ TK 131M 393.000.000  Có TK 511 330.000.000  Có TK 33311 33.000.000  Có TK 3387 30.000.000 |
| **C**. Nợ TK 131M 360.000.000  Có TK 511 300.000.000  Có TK 33311 30.000.000  Có TK 515 30.000.000 | **D**. Nợ TK 131M 393.000.000  Có TK 511 330.000.000  Có TK 33311 33.000.000  Có TK 515 30.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 02: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 2-a:**

Tại công ty sản xuất đồ gỗ nội thất, số gỗ Thông dùng không hết còn tại phân xưởng cuối kỳ trước là 68.000.000 đồng, kế toán ghi:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ 621 68.000.000  Có 152GT 68.000.000 | **B**. Nợ TK 621 (68.000.000)  Có TK 152GT (68.000.000) |
| **C**. Nợ TK152GT 68.000.000  Có TK 621 68.000.000 | **D**. Nợ TK 152GT 68.000.000  Có TK 154 68.000.000 |

ANSWER: A

**Câu 2-b:**

Phế liệu thu hồi nhập kho sau quá trình sản xuất sản phẩm Y ước tính trị giá 1.500.000đ, kế toán ghi:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Nợ TK 152 1.500.000  Có TK 154Y 1.500.000 | **B**. Nợ TK 153 1.500.000  Có TK 154Y 1.500.000 |
| **C**. Nợ TK 152Y 1.500.000  Có TK 711 1.500.000 | **D**. Nợ TK 153Y 1.500.000  Có TK 711 1.500.000 |

ANSWER: A

**Câu 03: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 3-a:**

Công ty K nhập khẩu một TSCĐHH, giá mua 10.000 USD/CIF\_Cảng SG, chưa thanh toán tiền (thời hạn thanh toán 3 tháng), thuế Nhập khẩu phải nộp 10%, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10% (được khấu trừ). Hỏi nguyên giá TSCĐHH được kế toán công ty ghi nhận bao nhiêu. Biết tỷ giá giao dịch thực tế mua, bán lần lượt là: 22.300 VND/USD, 22.800 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.600 VND/USD

**A.** 250.600.000 VND

**B.** 275.460.000 VND

**C.** 275.880.000 VND

**D.** 250.800.000 VND

ANSWER: A

**Câu 3-b:**

Công ty K nhập khẩu một TSCĐHH, giá mua 10.000 USD/CIF\_Cảng SG, thanh toán bằng chuyển khoản (thời hạn thanh toán 3 tháng), thuế Nhập khẩu phải nộp 10%, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10% (được khấu trừ). Hỏi nguyên giá TSCĐHH được kế toán công ty ghi nhận bao nhiêu. Biết tỷ giá giao dịch thực tế mua, bán lần lượt là: 22.300 VND/USD, 22.800 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.600 VND/USD

**A.** 245.600.000 VND

**B.** 270.460.000 VND

**C.** 245.300.000 VND

**D.** 269.830.000 VND

ANSWER: A

**Câu 04: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 4-a:**

Tại đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân, ….., cuối năm tài chính, kế toán tại đơn vị hạch toán Nợ TK 3368\_cấp trên/Có TK 155

**A.** không được phân cấp ghi nhận doanh thu

**B.** được phân cấp ghi nhận doanh thu nhưng không xác định KQKD

**C.** được phân cấp xác định KQKD nhưng không phân phối lợi nhuận

**D.** được phân cấp phân phối lợi nhuận

ANSWER: A

**Câu 4-b:**

Tại đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân, ….., cuối năm tài chính, kế toán tại đơn vị hạch toán Nợ TK 3368\_cấp trên/Có TK 911

**A.** được phân cấp xác định KQKD nhưng không phân phối lợi nhuận

**B.** được phân cấp ghi nhận doanh thu nhưng không xác định KQKD

**C.** không được phân cấp ghi nhận doanh thu

**D.** được phân cấp phân phối lợi nhuận

ANSWER: A

**Câu 05: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 5-a:**

Phát biểu nào sau đây ĐÚNG tại nhà thầu có phân cấp hạch toán và tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công?

**A.** Chi phí sử dụng máy thi công sẽ được tổng hợp vào TK 154.

**B.** Chi phí lương phải trả cho người điều khiển máy thi công được hạch toán vào TK 623

**C.** Chi phí nhiên liệu sử dụng cho máy thi công công được hạch toán vào TK 623

**D.** Chi phí khấu hao máy thi công công được hạch toán vào TK 623

ANSWER: A

**Câu 5-b:**

Phát biểu nào sau đây SAI tại nhà thầu có phân cấp hạch toán và tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công?

**A.** Chi phí sử dụng điện phục vụ hoạt động sử dụng máy thi công được. hạch toán vào TK 623

**B.** Chi phí lương phải trả cho người điều khiển máy thi công được hạch toán vào TK 622

**C.** Chi phí nhiên liệu sử dụng cho máy thi công công được hạch toán vào TK 621

**D.** Chi phí khấu hao máy thi công công được hạch toán vào TK 627

ANSWER: A

**Câu 06: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 6-a:**

Phí uỷ thác xuất khẩu phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác là 13.200.000đ, đã bao gồm thuế GTGT 10% (không được khấu trừ), kế toán ghi:

**A.** Nợ TK 641: 13.200.000/Có TK 3388: 13.200.000

**B.** Nợ TK 642: 13.200.000/Có TK 3388: 13.200.000

**C.** Nợ TK 632: 13.200.000/Có TK 3388: 13.200.000

**D.** Nợ TK 511: 13.200.000/Có TK 3388: 13.200.000

ANSWER: A

**Câu 6-b:**

Phí uỷ thác xuất khẩu phải thu từ bên giao uỷ thác là 13.200.000đ đã bao gồm thuế GTGT 10%, kế toán ghi:

**A.** Nợ TK 1388: 13.200.000/Có TK 511: 12.000.000, Có TK 33311: 1.200.000

**B.** Nợ TK 1388: 13.200.000/Có TK 511: 12.000.000, Có TK 33311: 1.200.000

**C.** Nợ TK 641: 12.000.000, Nợ TK 133: 1.200.000/Có TK 3388: 13.200.000

**D.** Nợ TK 131: 13.200.000/Có TK 511: 12.000.000, Có TK 33311: 1.200.000

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty thương mại X áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; xuất kho theo phương pháp BQGQ sau từng lần nhập. Công ty có 02 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân là X1 và X2 (được phân cấp xác định kết quả kinh doanh, nhưng không phân phối lợi nhuận). Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau đây:*

Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 01/12/N, như sau:

* TK 1122: 2.300.000.000đ (100.000 USD)
* TK 337A (Dư Có): 250.000.000đ (Chi tiết công trình A)
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Tài liệu 2 - Trong 12/N, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

**1. Ngày 03,** xuất kho xuất khẩu 2.000 tấn than đá, đơn giá xuất kho 1.850.000đ/tấn, bán theo giá FOB\_cảng Cát Lái là 200 USD/tấn, thuế suất thuế XK 10% chưa thu tiền công ty J&H. Chi phí vận chuyển và bốc dỡ hàng lên boong tàu là 2.530.000đ, đã bao gồm thuế GTGT 10%, được công ty thanh toán bằng tiền mặt. Biết TGGDTT mua 23.050 VND/USD, bán: 23.450 VND/USD, tỷ giá tính thuế của Hải quan là 23.460 VND/USD **(2,0 điểm)**

**+ Xuất kho xuất khẩu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 632 3.700.000.000**

**Có 1561TĐ 3.700.000.000 [2.000 x 1.850.000đ]**

**+ DT xuất khẩu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 131\_J&H 9.220.000.000**

**Có TK 5111 9.220.000.000 [2.000 x 200 USD x 23.050]**

**+ Thuế xuất khẩu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 5111 938.400.000**

**Có TK 3333 938.400.000 [2.000 x 200 USD x 23.460x10%]**

**+ Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng xuất khẩu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 6417 2.300.000**

**Nợ TK 1331 230.000**

**Có TK 1111 2.530.000**

**2. Ngày 08**, công ty chuyển khoản ngoại tệ 5.000 USD cấp bổ sung vốn cho đơn vị X2. Biết TGGDTT mua 23.010 VND/USD, bán 23.440 VND/USD. Cùng ngày, đơn vị X1 chuyển khoản thanh toán hộ tiền thuế Thu nhập cá nhân cho công ty là 4.000.000đ  **(1,0 điểm)**

**+ Chuyển khoản cấp vốn (0,5 điểm)**

**Nợ TK 1361X2 115.050.000 [5.000 USD x 23.010 VND/USD]**

**Có TK 1122 115.000.000 [5.000 USD x 2.300.000.000/100.000]**

**Có TK 515 50.000**

**+ Được đơn vị X2 nộp thuế hộ (0,5 điểm)**

**Nợ TK 3335 4.000.000**

**Có TK 3368X2 4.000.000**

**3. Ngày 12,** công ty mua thiết bị không cần lắp chuyển thẳng đến công trình xây dựng trụ sở mới của công ty là 12.000.000, chưa gồm thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho bên bán W. **(0,5 điểm)**

**+ Mua thiết bị không cần lắp chuyển thẳng đến công trình (0,5 điểm)**

**Nợ TK 2412 12.000.000**

**Nợ TK 1331 1.200.000**

**Có TK 331W 13.200.000**

**4. Ngày 25,** công trình xây dựng trụ sở mới của công ty được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển, hoàn thành được nghiệm thu đúng bằng tổng chi phí xây dựng phát sinh là 1.560.000.000đ và đưa vào sử dụng dự kiến thời gian dùng là 40 năm: **(1,0 điểm)**

**+ Công trình hoàn thành: (0,5 điểm)**

**Nợ TK 2111 1.560.000.000**

**Có TK 2412 1.560.000.000**

**+ Chuyển nguồn: (0,5 điểm)**

**Nợ TK 414 1.560.000.000**

**Có TK 411 1.560.000.000**

**5**. **Ngày 31,** kế toán công ty ghi nhận bút toán kết chuyển lời từ đơn vị cấp dưới X1 là 300.000.000đ và X2 là 250.000.000đ. **(0,5 điểm)**

**+ Bút toán kết chuyển lời từ đơn vị cấp dưới X1 (0,5 điểm)**

**Nợ TK 3368X1 300.000.000**

**Nợ TK 3368X2 250.000.000**

**Có TK 911 550.000.000**

**6**. **Ngày 31**, kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Biết số dư tạm thời của TK 511: 40.578.000.000đ, TK 515: 6.400.000đ, TK 632: 14.897.000.000đ, TK 641: 2.200.850.000đ, TK 642: 5.567.000.000đ và thuế suất thuế TNDN 20%.  **(2,0 điểm)**

**+ Kết chuyển doanh thu (0,25 điểm)**

**Nợ TK 511 40.578.000.000**

**Nợ TK 515 6.400.000**

**Có TK 911 40.584.000.000**

**+ Kết chuyển chi phí (0,25 điểm)**

**Nợ TK 911 22.664.850.000**

**Có TK 632 14.897.000.000**

**Có TK 641 2.200.850.000**

**Có TK 642 5.567.000.000**

**+ Chi phí thuế TNDN (0,5 điểm)**

**Nợ TK 821 8.226.880.000**

**Có TK 3334 8.226.880.000 [(40.578.000.000 + 550.000.000)x20%]**

**+ Kết chuyển CP thuế TNDN (0,5 điểm)**

**Nợ TK 911 8.226.880.000**

**Có TK 821 8.226.880.000**

**+ Kết chuyển lợi nhuận sau thuế (0,5 điểm)**

**Nợ TK 911 32.907.520.000**

**Có TK 4212 32.907.520.000**

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty X**.**

*(****Lưu ý****: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm yêu cầu)*

*Ngày biên soạn: 29/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Lê Ngọc Anh**

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.